

Số: 1119/VHL-TCCB

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2017

V/v hướng dẫn thực hiện Nghị định số
54/2016/NĐ-CP

Kính gửi: Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc

Căn cứ Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập (Nghị định 54/2016/NĐ-CP); Thông tư số 01/2017/TT-BKHCN ngày 12/01/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập (Thông tư số 01/2017/TT-BKHCN), Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam hướng dẫn thực hiện như sau:

I. Về quyền tự chủ, phân loại mức độ tự chủ và xây dựng phương án tự chủ

1. Quyền tự chủ

Quyền tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập bao gồm quyền tự chủ về tài chính, thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự, quản lý và sử dụng tài sản, được quy định tại các Điều 8, 9, 10, 11, 12, 13 Nghị định 54/2016/NĐ-CP.

2. Phân loại mức độ tự chủ và xây dựng phương án tự chủ

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được phân loại theo mức độ tự bảo đảm về chi thường xuyên và chi đầu tư. Căn cứ dự toán thu, chi và kết quả thực hiện thu, chi của các năm trước liền kề, các đơn vị phân loại mức độ tự chủ và xây dựng phương án tự chủ theo một trong bốn mức độ sau:

2.1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư là tổ chức đã tự bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên từ nguồn thu sự nghiệp và tự bảo đảm toàn bộ chi đầu tư từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án tự chủ. Căn cứ yêu cầu phát triển của tổ chức, Nhà nước xem xét, tiếp tục bố trí vốn đối với các dự án đầu tư đã được phê duyệt dự án đầu tư trước thời điểm phê duyệt phương án tự chủ và đang triển khai;

2.2. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm chi thường xuyên là tổ chức đã tự bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên từ nguồn thu sự nghiệp; được ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi đầu tư;

2.3. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên là tổ chức đã tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu sự nghiệp, phần chi thường xuyên còn lại do ngân sách nhà nước cấp; được ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi đầu tư;

2.4. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên là tổ chức không có nguồn thu sự nghiệp hoặc nguồn thu sự nghiệp thấp, ngân sách nhà nước cấp toàn bộ chi thường xuyên; ngân sách Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi đầu tư.

Trong khi chờ Bộ Tài chính ban hành thông tư hướng dẫn về cơ chế tài chính của tổ chức KH-CN công lập theo Nghị định số 54/2016/NĐ-CP của Chính phủ, đề nghị các đơn vị nghiên cứu kỹ quyền tự chủ cũng như những ưu đãi, quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm tương ứng với mức độ tự chủ tại các Điều 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và Điều 18 Nghị định 54/2016/NĐ-CP để lựa chọn loại hình phù hợp với hoạt động của đơn vị và xây dựng phương án tự chủ theo mẫu B1-VAST-PATC.

II. Xây dựng nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng

1. Mục tiêu của nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng: nhằm đảm bảo cho hoạt động thường xuyên của đơn vị, duy trì và phát triển tiềm lực, trình độ cán bộ khoa học công nghệ (KH-CN) của đơn vị, đủ năng lực để tích cực tham gia và thực hiện thành công các nhiệm vụ cấp nhà nước, cấp bộ, các hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ và triển khai ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ vào thực tiễn.

2. Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng

Căn cứ các quy định hiện hành, hàng năm các đơn vị xây dựng danh mục và thuyết minh nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng (NVTXTCN) của đơn vị theo mẫu B2-VAST-NVTX-1 và B2-VAST-NVTX-2a trình Chủ tịch Viện Hàn lâm phê duyệt. Thuyết minh nhiệm vụ bao gồm các cấu phần chính: danh sách các cán bộ của đơn vị, nội dung các hoạt động của đơn vị (bao gồm hoạt động bộ máy và hoạt động khoa học công nghệ cấp cơ sở của đơn vị), kết quả dự kiến của đơn vị và tổng kinh phí đề nghị nhà nước hỗ trợ.

2.1. Danh sách cán bộ tham gia thực hiện: là danh sách cán bộ trong biên chế được giao để thực hiện nhiệm vụ theo chức năng được giao.

2.2. *Nội dung hoạt động bao gồm:* hoạt động bộ máy và hoạt động KHCN cấp cơ sở của đơn vị nhằm đảm bảo mục tiêu của nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng.

2.3. *Sản phẩm, kết quả dự kiến:* Kết quả của nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng là "tiềm lực, trình độ cán bộ khoa học công nghệ của đơn vị được duy trì và phát triển", được thể hiện thông qua việc triển khai thực hiện các hoạt động KHCN, các đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp, các hợp đồng triển khai ứng dụng theo chức năng của đơn vị và được minh chứng bằng một số dạng sản phẩm, kết quả như sau:

a) Kết quả nghiên cứu cơ bản và phát triển công nghệ gồm: Số lượng công trình công bố trên các tạp chí thuộc danh mục ISI, VAST1, ISSN, VAST2, các tạp chí khác, số lượng văn bằng độc quyền sáng chế trong nước và quốc tế, văn bằng giải pháp hữu ích, số lượng sách chuyên khảo, giáo trình được xuất bản, số lượng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ và cấp quốc gia được cấp mới thông qua tuyển chọn, xét chọn (các công bố phải tuân theo quy định về ghi tên đơn vị và tên Viện Hàn lâm);

b) Kết quả ứng dụng và triển khai công nghệ: Số lượng hợp đồng, dự án và tổng giá trị kinh phí dự kiến thu được trong năm tài chính (có nguồn gốc NSNN và ngoài NSNN);

c) Kết quả tăng cường tiềm lực cán bộ (nếu đơn vị chọn đăng ký thực hiện): Số lượng cán bộ của đơn vị được nhận bằng cấp, học vị, học hàm, chức danh khoa học, thăng hạng viên chức trong năm (từ TS hoặc PGS trở lên, từ NCVC hoặc tương đương trở lên), số lượng TS tuyển mới,...;

d) Kết quả đào tạo (nếu đơn vị chọn đăng ký thực hiện): Số lượng tiến sỹ, thạc sỹ do cán bộ của đơn vị hướng dẫn, đã được cấp bằng trong năm;

đ) Kết quả hoạt động hợp tác quốc tế (nếu đơn vị chọn đăng ký thực hiện): Số lượng các thỏa thuận hợp tác với nước ngoài được ký kết mới trong năm, số lượng các nhiệm vụ khoa học công nghệ hợp tác song phương, nghị định thư được xét chọn, tuyển chọn trong năm, số lượng các dự án sử dụng kinh phí nước ngoài (NGO, ODA,...) được phê duyệt và cấp kinh phí triển khai thực hiện trong năm;

e) Kết quả hoạt động truyền thông, hội nghị, hội thảo, thông tin, xuất bản (nếu đơn vị chọn đăng ký thực hiện): Số lượng các hội thảo, hội nghị, diễn đàn, lớp học chuyên đề tổ chức trong năm, số lượng các bản tin, chuyên đề được xuất bản,...

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao và kết quả đạt được trong 3 năm trước liền kề, các đơn vị đăng ký số lượng và chất lượng sản phẩm và kết

quả dự kiến không thấp hơn trung bình của 03 năm trước liền kề. Trong giai đoạn đầu, các sản phẩm về công bố công trình (kết quả nghiên cứu cơ bản và phát triển công nghệ) và tổng kinh phí thực thu trong năm (kết quả ứng dụng và triển khai công nghệ) sẽ là những tiêu chí chính, bắt buộc để xác định thành tích và phân bổ kinh phí hoạt động của đơn vị. Các sản phẩm khác chưa là tiêu chí bắt buộc trong giai đoạn này. Nếu đơn vị chọn đăng ký thực hiện các sản phẩm ở mục c, d, đ, e nêu trên thì đơn vị bắt buộc phải thực hiện đầy đủ sản phẩm đã đăng ký theo Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC về quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

Tổng kinh phí NVTXTCN: bao gồm quỹ lương, kinh phí hoạt động bộ máy (HĐBM) và kinh phí hoạt động khoa học công nghệ cấp cơ sở của đơn vị.

3. Xây dựng dự toán nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng

Căn cứ các quy định hiện hành, quy chế chi tiêu nội bộ, các đơn vị xây dựng dự toán NVTXTCN phù hợp với các nội dung hoạt động của đơn vị. Các đơn vị vận dụng phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC để xây dựng NVTXTCN.

3.1. Tổng mức kinh phí NVTXTCN: Căn cứ vào số lượng chỉ tiêu biên chế được giao, định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính theo quy định tại Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017 (điểm b, c khoản 1 điều 2), các đơn vị xây dựng dự toán theo mẫu B2-VAST-NVTX-2b (các đơn vị nghiên cứu kỹ và vận dụng các nội dung chi trong định mức được phân bổ tại điểm c khoản 1 điều 1 của Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg và điều 9 nghị định 54/2016/NĐ-CP). Tổng mức kinh phí không vượt quá tổng kinh phí quỹ lương và định mức chi hành chính tại quyết định số 46/2016/QĐ-TTg.

3.2. Kinh phí thực hiện NVTXTCN bao gồm ba cấu phần chính: Quỹ lương (cấu phần A), kinh phí cho các nội dung hoạt động (cấu phần B) gồm hoạt động bộ máy (cấu phần B1) và kinh phí hoạt động KHCN cấp cơ sở (cấu phần B2).

a) Quỹ lương (cấu phần A): Quỹ lương biên chế của đơn vị theo ngạch, bậc lương được tính theo quy định hiện hành của nhà nước. Dự toán quỹ lương tính theo số biên chế thực tế có mặt tại đơn vị và dự phòng (2%) tăng lương do nâng ngạch, bậc lương. Đối với số biên chế sắp tuyển dụng mới (trong chỉ tiêu định mức biên chế được giao và dự kiến tuyển dụng trong năm) được dự tính bằng 1/2 kinh phí lương cho cán bộ ngạch nghiên cứu viên bậc 1 (tính 6 tháng lương). Tổng kinh phí quỹ lương được tính tại thời điểm 30/11 hàng năm theo nguyên tắc trên.

b) Kinh phí cho các nội dung hoạt động (cấu phần B): Các đơn vị được khoán và tự chủ trong việc sử dụng kinh phí cấu phần B. Các đơn vị được chủ động phân bổ, điều chỉnh và sử dụng kinh phí được giao phù hợp với hoạt động của đơn vị theo các quy định hiện hành của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Tổng mức kinh phí khoán cho cấu phần B được vận dụng tính theo định mức chi hành chính tại quyết định số 46/2016/QĐ-TTg (định mức nhân số biên chế được giao). Cấu phần B gồm hoạt động bộ máy (cấu phần B1) và kinh phí hoạt động KHCN cấp cơ sở (cấu phần B2), các đơn vị chủ động xác định tỷ lệ kinh phí giữa cấu phần B1 và cấu phần B2.

- Hoạt động bộ máy (cấu phần B1): là các khoản chi phí cho hoạt động vận hành thường xuyên của đơn vị, bao gồm cả các khoản lương hợp đồng lái xe, tạp vụ, chi thực hiện các quy định hiện hành của nhà nước về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, môi trường,... các hoạt động chung của đơn vị và các khoản chi có tính chất bộ máy khác. Lưu ý, ngoài các quy định chung, các khoản chi hoạt động bộ máy còn được/bị chi phối bởi các định mức xác định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

- Kinh phí hoạt động KHCN cấp cơ sở (cấu phần B2): là các hoạt động KHCN thường xuyên cấp cơ sở để duy trì và phát triển năng lực KHCN của đơn vị, phù hợp với chức năng nhiệm vụ của đơn vị và nhằm đạt được mục tiêu của NVTXTCN nêu trên. Các định mức chi cho các hoạt động KHCN cấp cơ sở cần được xây dựng trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị theo quy định hiện hành và được thông qua theo quy định tại điều 5 Thông tư 01/2017/TT-BKHCN. Một số nội dung chi đối với các hoạt động KHCN cấp cơ sở như sau:

+ Các khoản chi hoạt động KHCN chung của đơn vị như hội thảo, hội nghị, hợp tác quốc tế, mua sách báo KHCN, in ấn xuất bản các tài liệu KHCN, hoạt động quảng bá KHCN, hoạt động đài trạm, công tác thư viện, chi lương hợp đồng lao động (HDLĐ) thủ thư (nếu không chi ở HĐBM), chi bồi dưỡng đào tạo chuyên môn KHCN cho cán bộ của đơn vị, chi cho hoạt động đào tạo của đơn vị (nếu cần), chi hoạt động của hội đồng khoa học (HĐKH), ... Các khoản chi này cần lập dự toán tương ứng và tổng hợp vào dự toán NVTXTCN của đơn vị;

+ Chi cho các phòng chuyên môn hoặc nhóm chuyên môn để hoạt động KHCN thường xuyên: chi cho hoạt động các seminar, tổ chức các lớp học theo chuyên ngành hẹp, các hoạt động KHCN khác ở cấp phòng/nhóm chuyên môn,... Các khoản chi này cần lập dự toán tương ứng và tổng hợp vào dự toán NVTXTCN của đơn vị;

+ Chi cho các nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở của đơn vị, do HĐKH của đơn vị xác định hoặc các nhóm nghiên cứu, các cá nhân trong đơn vị đề xuất, được HĐKH của đơn vị thông qua, Lãnh đạo đơn vị phê duyệt cho triển khai và cuối

năm tiến hành nghiệm thu theo quy định. Các nhiệm vụ này cần được đơn vị quản lý theo thẩm quyền của mình theo đúng các quy định của nhà nước về quản lý các nhiệm vụ KH-CN. Các nhiệm vụ này cần phải lập dự toán và tổng hợp vào dự toán NVTXTCN của đơn vị;

+ Chỉ cho các nhà khoa học của đơn vị để hoạt động KH-CN thường xuyên của cá nhân nhà khoa học như tham dự hội nghị hội thảo (cả trong nước và quốc tế), mua sách chuyên ngành hẹp, triển khai nghiên cứu đề tài khoa học nhỏ cấp cơ sở (theo đề xuất của cá nhân, phải được HĐKH của đơn vị thông qua và lãnh đạo đơn vị phê duyệt triển khai và đơn vị tiến hành nghiệm thu vào cuối năm), chi lương hợp đồng lao động chuyên môn (theo đề xuất của cá nhân, phải được lãnh đạo đơn vị phê duyệt) Lưu ý là đơn vị có thể cấp kinh phí dạng này với các mức khác nhau cho các chức danh khoa học khác nhau. Tỷ lệ và định mức kinh phí hoạt động khoa học cá nhân so với các hoạt động khoa học công nghệ cấp cơ sở khác của đơn vị phải được thông qua trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và không vượt quá 100 triệu đồng đối với GS/NCVCC/KSCC, không quá vượt quá 70 triệu đồng/năm đối với PGS/NCVC/KSC và không vượt quá 50 triệu đồng/năm đối với TS. Các chức danh khác không được cấp kinh phí hoạt động khoa học cá nhân trong NVTXTCN theo dạng này. Các cá nhân cần phải lập dự toán tương ứng với các hoạt động và tổng hợp vào dự toán NVTXTCN của đơn vị;

+ Chỉ cho nguyên, nhiên, vật liệu, năng lượng phục vụ hoạt động KH-CN, chi sửa chữa, nâng cấp duy tu, bảo hành, bảo trì, kiểm định hiệu chuẩn trang thiết bị khoa học, ... Các nhiệm vụ này cần phải lập dự toán và tổng hợp vào dự toán NVTXTCN của đơn vị.

Lưu ý: Hoạt động thường xuyên đài trạm từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học phải được dự toán trong NVTXTCN của đơn vị.

4. Phân bổ kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng cho các đơn vị

Hàng năm, Viện Hàn lâm làm việc với các Bộ ngành liên quan nhằm đảm bảo được bố trí đủ kinh phí thực hiện NVTXTCN của các đơn vị theo định mức quy định tại quyết định số 46/2016/QĐ-TTg. Trong trường hợp không được bố trí đủ kinh phí, Viện Hàn lâm sẽ cân đối và cắt giảm tỷ lệ thuận đối với tất cả các đơn vị.

Căn cứ vào nguồn kinh phí ngân sách nhà nước được giao cho NVTXTCN và thành tích của đơn vị trong năm trước liền kề, các đơn vị sẽ được phân bổ kinh phí theo nguyên tắc như sau:

- Quỹ lương (cầu phần A) được cấp theo dự toán được phê duyệt;

- 80 % tổng mức cầu phần B của NVTXTCN (định mức do các Bộ ngành liên quan chấp thuận nhân tổng chỉ tiêu biên chế hiện có của đơn vị) sẽ được cấp cho đơn vị;

- 20 % tổng mức cầu phần B của NVTXTCN được cấp căn cứ vào thành tích của đơn vị đạt được trong năm trước năm kế hoạch. Đơn vị đạt thành tích bằng trung bình so với thành tích tính cho toàn bộ các đơn vị của Viện Hàn lâm sẽ nhận được đúng 20% tổng mức cầu phần B. Các đơn vị sự nghiệp công lập khác (dự kiến 3 đơn vị) không thực hiện theo nghị định 54/2016/NĐ-CP sẽ được cấp đúng 20% tổng mức trong khi chờ các thông tư hướng dẫn theo các lĩnh vực khác. Thành tích của các đơn vị được tính theo điểm quy đổi của các chỉ tiêu công bố ISI, VAST1, QT ISSN, VAST, PMSC, GPII và số kinh phí hợp đồng thực nhận trong năm với các trọng số khác nhau cho từng loại kết quả;

- Vào thời điểm 15/12 hàng năm, bắt đầu từ năm 2017, Viện Hàn lâm sẽ thống kê, tổng hợp kinh phí theo thành tích của các đơn vị trong năm để làm cơ sở điều chỉnh tăng hoặc giảm dự toán phân bổ đối với 20 % tổng mức cầu phần B của NVTXTCN cho năm tiếp theo.

III. Xây dựng các quy chế hoạt động và trích lập Quỹ

Các đơn vị có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế sử dụng tài sản, Quy chế dân chủ cơ sở, Quy chế công khai tài chính, kiểm toán nội bộ theo quy định hiện hành.

Các đơn vị trích lập các Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi theo quy định tại khoản 3 điều 9 nghị định 54/2016/NĐ-CP. Các quỹ khác được trích lập theo quy định hiện hành và do thủ trưởng đơn vị quyết định. Mức trích lập và sử dụng các quỹ cụ thể (điểm b khoản 3 điều 8 nghị định 54/2016/NĐ-CP) phải được nêu rõ trong quy chế chi tiêu nội bộ và phải công khai trong đơn vị.

Các đơn vị xây dựng và thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng dẫn tại điều 5 Thông tư 01/2017/TT-BKHCN và căn cứ theo các quy định hiện hành.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị trực thuộc

- Các trách nhiệm quy định tại Điều 18 Nghị định 54/2016/NĐ-CP

2. Trình tự thực hiện:

- Đơn vị xây dựng phương án tự chủ phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị (theo mẫu B1-VAST-PATC), báo cáo Viện Hàn lâm **trước ngày 20/6/2017** để thẩm định, phê duyệt

Việc giao quyền tự chủ cho các đơn vị trực thuộc được ổn định trong thời gian 3 năm. Trường hợp nguồn thu, nhiệm vụ của đơn vị có biến động làm thay đổi mức độ tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị báo cáo Viện Hàn lâm xem xét, quyết định.

- Năm cuối của thời kỳ ổn định 3 năm, đơn vị báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ trong 3 năm và đề xuất phương án tự chủ trong 3 năm tiếp theo để Viện Hàn lâm xem xét, phê duyệt.

- Đơn vị báo cáo Viện Hàn lâm về kết quả thực hiện cơ chế tự chủ **trước ngày 31/01** hàng năm (theo mẫu B3-VAST-BCTC).

3. Tài liệu gửi kèm theo:

- Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

- Thông tư số 01/2017/TT-BKHCN ngày 12/01/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

- Các biểu mẫu trong việc thực hiện cơ chế tự chủ:

+ B1-VAST-PATC: Mẫu Phương án tự chủ

+ B2-VAST-NVTX-1: Mẫu Danh mục NVTXTCN

+ B2-VAST-NVTX-2a: Mẫu Thuyết minh và Dự toán NVTXTCN

+ B2-VAST-NVTX-2b: Mẫu Dự toán kinh phí nhiệm vụ

+ B3-VAST-BCTC: Mẫu Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ

Đây là công việc rất quan trọng, đề nghị Thủ trưởng đơn vị trực tiếp chỉ đạo thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị đơn vị báo cáo về Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam để xem xét, giải quyết. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch Viện (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch Viện;
- Website Viện Hàn lâm;
- Lưu: VT, TCCB. A.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Văn Kiệm

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

PHƯƠNG ÁN TỰ CHỦ CỦA

A. Phần chung

1. Tên tổ chức:
2. Địa chỉ:
3. Cơ quan chủ quản:
4. Số Quyết định thành lập:
5. Số Quyết định phê duyệt Điều lệ (Quy chế) tổ chức và hoạt động:
6. Chức năng, nhiệm vụ trong Điều lệ (Quy chế) tổ chức và hoạt động:
7. Tổng số người làm việc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (hoặc số biên chế được giao):... người

B. Xác định phương án tự chủ

I. Tình hình tài chính 3 năm gần nhất và dự toán năm đầu giai đoạn tiếp theo

TT	Nội dung	Số liệu của 3 năm trước liền kề			Dự kiến trong năm đầu giai đoạn tiếp theo 2108
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	
I	Thu, chi thường xuyên				
1	Tổng nguồn thu dành để chi hoạt động thường xuyên				
2	Tổng số chi hoạt động thường xuyên				
II	Số kinh phí chi hoạt động thường xuyên đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ (= 2-1)				...
III	Chi NSNN không thường xuyên				
1	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản cố định theo dự án được duyệt				

3	Chi thực hiện chương trình đào tạo				
4	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia				
5	Chi thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước đặt hàng				
6	Chi thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)				
7	Chi đầu tư xây dựng cơ bản				
8	Chi đối ứng các dự án				
9	Chi khác (nếu có)				

II. Xác định mức độ tự bảo đảm chi thường xuyên

Đơn vị căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài chính xác định mức độ tự bảo đảm chi thường xuyên của 3 năm trước liền kề và dự kiến mức độ tự bảo đảm chi thường xuyên của giai đoạn 3 năm tiếp theo. Đơn vị xác định theo 3 mức: (i) tự đảm bảo, (ii) đảm bảo một phần (xác định rõ bao nhiêu phần trăm, từ 1-99%), (iii) nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên.

III. Xác định mức độ bảo đảm chi đầu tư

Đơn vị căn cứ số dư quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nhu cầu vốn đầu tư phát triển trong tương lai và hướng dẫn của Bộ Tài chính, xác định mức độ bảo đảm chi đầu tư trong giai đoạn 3 năm tiếp theo. Đơn vị xác định theo hai mức tự đảm bảo hoặc nhà nước đảm bảo toàn bộ chi đầu tư.

IV. Phương án tự chủ

Căn cứ mức độ tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư,...(tên đơn vị trực thuộc) đề nghị Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam phê duyệt phương án tự chủ của đơn vị là tổ chức KH&CN công lập...(theo 1 trong 4 hình thức quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định 54/2016/NĐ-CP).

Hà nội, ngày tháng năm 20...

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

**DANH MỤC
NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYỀN THEO CHỨC NĂNG NĂM 20..**

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện (từ...đến...)	Dự kiến kết quả/sản phẩm	Dự kiến kinh phí thực hiện (triệu đồng)
1	Dựa trên các chức năng và nhiệm vụ được giao của đơn vị Ví dụ như: (i) Nghiên cứu cơ bản khoa học và phát triển công nghệ theo các hướng chuyên môn của đơn vị, (ii) Ứng dụng và triển khai công nghệ trong lĩnh vực... (iii) Đào tạo nhân lực trình độ cao, (iv) Tư vấn thẩm định, (v) Hợp tác quốc tế.	T1-T12	Kết quả của nhiệm vụ là "tiềm lực, trình độ cán bộ khoa học công nghệ của đơn vị được duy trì và phát triển", thể hiện thông qua việc triển khai thực hiện các hoạt động theo chức năng của đơn vị và dự kiến đạt được các kết quả tổng hợp sau: (không thấp hơn trung bình 03 năm liền kề trước) - Ghi số lượng hai dạng sản phẩm bắt buộc phải có (*). - Các sản phẩm khác do đơn vị tùy chọn đề xuất. Các sản phẩm đã đăng ký bắt buộc phải thực hiện đủ (theo TT27)(**)	Dự tính trên cơ sở Quỹ lương và định mức chi thường xuyên theo quyết định số 46/2016/QĐ-TTg
	Tổng cộng			

(*) Hai dạng sản phẩm bắt buộc là: Kết quả NCCB và phát triển công nghệ (bao gồm: Số lượng công trình công bố trên các tạp chí thuộc danh mục ISI, VAST1, QT ISSN, VAST2, số lượng văn bằng độc quyền sáng chế trong nước và quốc tế, văn bằng giải pháp hữu ích) và các kết quả ứng dụng và triển khai công nghệ (bao gồm số lượng và tổng giá trị kinh phí dự kiến thu được trong năm tài chính từ các loại hợp đồng có hàm lượng khoa học cao và các hợp đồng khác có nguồn gốc NSNN và ngoài NSNN);

(**) Các sản phẩm phải có ghi tên đơn vị và Viện Hàn lâm theo quy định. Không bắt buộc phải ghi cam ơn NVTXTN.

....., ngày.....tháng.....năm 20...

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

**MẪU THUYẾT MINH VÀ DỰ TOÁN
NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG**

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHIỆM VỤ

1	Tên nhiệm vụ: <i>Nhiệm vụ hường xuyên theo chức năng của</i>
2	Thời gian thực hiện: (từ tháng 01 năm... đến tháng 12 năm...)
3	Kinh phí thực hiện: Tổng kinh phí:....., trong đó: - Từ ngân sách sự nghiệp khoa học: - Từ nguồn tự có của tổ chức: <i>(lấy tỷ lệ phần trăm từ QĐ tự đảm bảo một phần chi TX)</i> - Từ nguồn khác:
4	Thủ trưởng đơn vị (Chủ nhiệm nhiệm vụ): Họ và tên:..... Ngày, tháng, năm sinh:.....Nam/ Nữ:..... Học hàm, học vị:.....Chức danh nghề nghiệp:..... Điện thoại:.....E-mail:
5	Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Tên tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Điện thoại:..... Fax: Địa chỉ:

II. DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIA NHIỆM VỤ

Kê khai các nội dung công việc phải thực hiện trong nhiệm vụ đối với từng người
(căn cứ đề án vị trí việc làm đã xây dựng đối với các cán bộ trong biên chế, viết ngắn gọn)

Stt	Họ và tên	Chức danh (chức vụ, học hàm, học vị)	Vị trí công tác	Nội dung công việc
1			Thủ trưởng đơn vị	<i>(chủ trì nhiệm vụ, chịu trách nhiệm triển khai thực hiện)</i>
2			Ban Lãnh đạo	
3			Phòng Quản	

			lý tổng hợp	
4			Phòng chuyên môn	

III. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Căn cứ các hoạt động thường xuyên của đơn vị trong 03 năm trước liền kề, các đơn vị xây dựng các nội dung đảm bảo hoạt động thường xuyên trong năm phù hợp với chức năng nhiệm vụ được giao

	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức thực hiện
1	Các nội dung nghiên cứu		
2	Các hoạt động ứng dụng triển khai		
3	Các hoạt động phục vụ, hỗ trợ nghiên cứu		
4	Các hoạt động chung		
5	Các hoạt động sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì, kiểm định, hiệu chuẩn		
6	Các hoạt động khác		

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Căn cứ vào các nội dung hoạt động trong năm, các đơn vị đăng ký kết quả dự kiến không thấp hơn trung bình của 3 năm trước liền kề, và phân loại như sau

4.1. Kết quả nghiên cứu cơ bản và phát triển công nghệ

TT	Nội dung	Kết quả 3 năm trước liền kề			Dự kiến 2108
		2015	2016	2017*	
1	Công trình công bố				
	Số công trình đăng trên tạp chí thuộc danh sách ISI.				
	Số công trình đăng trên tạp chí thuộc danh sách VAST1(**) của Viện Hàn lâm KHCNVN				
	Số công trình đăng trên các tạp chí quốc tế không thuộc danh sách ISI nhưng có mã số ISSN (QT ISSN)				
	Số công trình đăng trên tạp chí thuộc danh sách VAST2(**) của Viện Hàn lâm KHCNVN				
2	Văn bằng sở hữu trí tuệ				
	Số lượng bằng độc quyền sáng chế tại nước ngoài (PMSC)				
	Số lượng bằng độc quyền sáng chế tại Việt Nam (PMSC)				
	Số lượng các giải pháp hữu ích (GPHI)				
3	Các công trình công bố khác				
	(Đơn vị tùy chọn đăng ký)				

(*) Kết quả dự kiến

(**) Danh sách VAST1 hiện tại gồm 3 tạp chí Advances in Nat. Sci.: NanoSci. and NanoTech, VJM, AMV; danh sách VAST2 gồm 9 tạp chí còn lại của Viện Hàn lâm.

4.2. Kết quả ứng dụng và triển khai công nghệ

TT	Nội dung	Kết quả 3 năm trước liền kề						Dự kiến 2108	
		2015		2016		2017*			
		SL	KP	SL	KP	SL	KP	SL	KP
1	Các hợp đồng có nguồn gốc kinh phí ngoài NSNN								

	Các hợp đồng có hàm lượng khoa học cao								
	Các hợp đồng khác, có tính chất dịch vụ kỹ thuật đơn giản								
2	<i>Các hợp đồng có nguồn gốc kinh phí từ NSNN</i>								
	Các hợp đồng có hàm lượng khoa học cao								
	Các hợp đồng khác, có tính chất dịch vụ kỹ thuật đơn giản								

(*) Kết quả dự kiến.

Lưu ý là KP Hợp đồng chỉ tính khoản *KP thực nhận về tài khoản* của đơn vị trong năm.

4.3. Các kết quả khác (nếu đơn vị chọn đăng ký)

TT	Nội dung	Kết quả 3 năm trước liên kế			Dự kiến 2108
		2015	2016	2017*	
1	<i>Kết quả tăng cường tiềm lực cán bộ</i>				
2	<i>Kết quả đào tạo</i>				
3	<i>Kết quả hoạt động hợp tác quốc tế</i>				
4	<i>Kết quả hoạt động truyền thông, hội nghị, hội thảo, diễn đàn, thông tin, xuất bản</i>				
	...				
5	<i>Kết quả khác</i>				

(*) Kết quả dự kiến

V. TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VÀ NGUỒN KINH PHÍ

Đơn vị tính: triệu đồng

Kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo các khoản chi							
	Tổng số Kinh phí đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ (triệu đồng)	Trong đó					
		Tiền lương	Các khoản đóng góp theo lương*	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì, kiểm định, hiệu chuẩn	Chi hoạt động chung	Chi khác**
A	2 (= 3+4+5+6+7+8)	3	4 (= 3 x 24%)	5	6	7	8

* Các khoản đóng góp theo lương gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn...

** Chi khác: gồm hội thảo, hội nghị, công tác phí, thuê khoán ngoài, văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ, dịch vụ công, thông tin, liên lạc...

Ngày tháng năm 20...

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

PHÊ DUYỆT CỦA VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

DỰ TOÁN KINH PHÍ NHIỆM VỤ

Căn cứ vào số lượng chỉ tiêu biên chế được giao, định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính theo quy định tại Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg, các định mức chi theo các quy định hiện hành và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị để xây dựng dự toán kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng. (nêu rõ các căn cứ xây dựng dự toán)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung chi	Tổng số Kinh phí
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
1	Tiền lương	
2	Các khoản đóng góp theo lương	...
3	Nguyên, vật liệu, năng lượng	
4	Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì, kiểm định, hiệu chuẩn	...
5	Chi hoạt động chung Bao gồm các hoạt động hội thảo, hội nghị, tổng kết, hoạt động công đoàn, đoàn thanh niên, hoạt động ứng dụng CNTT (trang web,...), lao động hợp đồng (bao gồm lương và các khoản đóng góp theo lương cho tập vụ, lái xe), thực hiện các quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy, đảm bảo an toàn lao động, môi trường, ...	
6	Chi khác Bao gồm tiền công, lao động hợp đồng chuyên môn (bao gồm lương và các khoản đóng góp theo lương), hội thảo, hội nghị khoa học, công tác phí, thuê khoán ngoài, văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ, dịch vụ công, thông tin, liên lạc,...	...

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1. Tiền lương

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung lao động	Chức vụ	Hệ số lương và phụ cấp	Tổng số	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
1	Ban lãnh đạo		...	...	
-	Nguyễn Văn A		...	...	
2	Phòng quản lý tổng hợp		...	...	
-	Trần thị C		...	...	
3	Phòng chuyên môn				
-	Lê Văn D				
	Tổng cộng:		...	...	

Khoản 2. Các khoản đóng góp theo lương

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Các khoản đóng góp theo lương	Tỷ lệ đóng góp	Tiền lương	Số phải đóng góp	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5 (= 3x4)</i>	<i>6</i>
1	Bảo hiểm xã hội	18%	...	...	
2	Bảo hiểm y tế	3%	...	...	
3	Bảo hiểm thất nghiệp	1%	...	...	
4	Phí công đoàn	2%	...	...	
	Tổng cộng:			...	

Khoản 3. Nguyên vật liệu, năng lượng*Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Xăng dầu				
2	Điện				
3	Nước				
4	...				
Cộng:					

Khoản 4. Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì, kiểm định, hiệu chuẩn*Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Sửa chữa				
2	Duy tu				
3	Bảo dưỡng				
4	...				
Cộng:					

Khoản 5. Chi hoạt động chung*Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Hoạt động hội thảo, hội nghị, tổng kết				
2	Hoạt động ứng dụng CNTT (trang web,...)				
3	Lao động hợp đồng (bao gồm lương và các khoản đóng góp theo lương cho tạp vụ, lái xe, bảo vệ),				
4	Hoạt động công đoàn				

5	Hoạt động đoàn thanh niên				
	...				

Khoản 6. Chi khác

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Hội thảo, Hội nghị khoa học				
2	Lao động hợp đồng chuyên môn (bao gồm lương và các khoản đóng góp theo lương)				
3	Tiền công (các loại tiền công, bao gồm cả tiền công lao động khoa học theo TT55 nếu như đơn vị có các đề tài cấp cơ sở lập dự toán theo TT55)				
4	Công tác phí				
5	Chi thuê lao động				
6	Văn phòng phẩm				
7	Công cụ, dụng cụ				
8	Dịch vụ công				
9	Chi thông tin, liên lạc				
...	...				
Cộng:					

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày tháng năm 20...

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ CỦA TỔ CHỨC
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP
NĂM....**

1. Tự chủ về thực hiện nhiệm vụ:

- Về việc thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng (số lượng nhiệm vụ, tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ,...)
- Về thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước (số lượng nhiệm vụ, tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ,...)
- Về thực hiện các nhiệm vụ KH&CN (không sử dụng ngân sách nhà nước), dịch vụ KH&CN (số lượng nhiệm vụ, tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ,...)
- Về thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, đề án khác;
- Về thực hiện các dự án; vốn đầu tư phát triển;
- Về thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cơ quan có thẩm quyền giao;

2. Tự chủ về tổ chức bộ máy:

- Cơ cấu tổ chức được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
- Thành lập mới các đơn vị trực thuộc:

3. Tự chủ về nhân lực

- Số lượng vị trí việc làm:... Vị trí
- Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, trong đó:
 - + Số viên chức hạng I và tương đương:...viên chức
 - + Số viên chức hạng II và tương đương:...viên chức
 - + Số viên chức hạng III và tương đương:...viên chức
 - + Số viên chức hạng IV và tương đương:...viên chức
- Tổng số người làm việc trong tổ chức:... người, trong đó
 - + Số người làm việc do cơ quan có thẩm quyền quyết định:... người
 - + Số người làm việc do Thủ trưởng tổ chức quyết định:... người

- Việc quản lý, sử dụng viên chức, người lao động (tuyển dụng, bổ nhiệm, nâng lương, khen thưởng,...)

4. Về thực hiện các chỉ tiêu về tài chính, gồm:

a) Nguồn thu

- Nguồn từ ngân sách nhà nước cấp (
- Tổng nguồn thu sự nghiệp:
- Nguồn vốn viện trợ, quà biếu, tặng,...:
- Nguồn vốn vay của tổ chức và cá nhân:
- Các nguồn vốn khác

b) Các khoản chi

- Chi thường xuyên
- Chi không thường xuyên

c) Chênh lệch thu chi và trích lập các quỹ

- Chênh lệch thu chi thường xuyên:...đồng
- Trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp:...đồng (chiếm...% chênh lệch thu chi)
- Trích lập Quỹ thu nhập tăng thêm:...đồng (tương đương... lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, hạng chức danh nghề nghiệp, chức vụ và các khoản phụ cấp lương)
- Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi:... đồng (tương đương... lần tháng tiền lương, tiền công thực hiện trong năm)

d) Số kinh phí chi thường xuyên đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ trong năm tiếp theo:...đồng

5. Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị:

Người lập báo cáo
(Ký tên)

..... Ngày.... tháng.... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên đóng dấu)

Số: 01/2017/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2017

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

ĐẾN Số: 498
Ngày: 01/04/2017
Chuyên: Tài chính

Chung a. Kien
s: 18 Vn

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Kính trình Chủ tịch

1. Sao gửi các đơn vị trực thuộc.
 2. Ban Tổng chủ trì phối hợp cùng Ban quốc có ý kiến kiến nghị đề án về Phẫu thuật tái cấu trúc cơ thể, Rối loạn chức năng sinh lý sinh sản và các bệnh khác của người đồng tính nam, chuyển đổi giới tính.
- Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập (sau đây viết tắt là Nghị định số 54/2016/NĐ-CP), cụ thể: khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 4, điểm a khoản 1 Điều 13 và quy chế chi tiêu nội bộ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; trình tự xây dựng và phê duyệt phương án tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; chế độ báo cáo tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

2. Đối tượng áp dụng

a) Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Nghị định số 54/2016/NĐ-CP.

b) Các tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập có thể vận dụng cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 54/2016/NĐ-CP và Thông tư này.

- Sao gửi Ban
- Chủ trì
- Theo ý của PCT
(theo PV kiêm)
- Lưu ý
SLLK

12.4

(Mục I, II, III trong mẫu)
B1. PATE

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2017

Phó Vụ trưởng

4/9/2017

Điều 2. Phân loại mức độ tự chủ và xây dựng phương án tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Căn cứ dự toán thu, chi và kết quả thực hiện thu, chi của các năm trước liền kề, tổ chức khoa học và công nghệ công lập phân loại mức độ tự chủ và xây dựng phương án tự chủ theo một trong bốn mức độ sau:

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư là tổ chức đã tự bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên từ nguồn thu sự nghiệp và tự bảo đảm toàn bộ chi đầu tư từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án tự chủ. Căn cứ yêu cầu phát triển của tổ chức, Nhà nước xem xét, tiếp tục bố trí vốn đối với các dự án đầu tư đã được phê duyệt dự án đầu tư trước thời điểm phê duyệt phương án tự chủ và đang triển khai;

- *hướng*
- *theo B1, NV*
- *Đ.T. NV* *TX. đầu tư*

2. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm chi thường xuyên là tổ chức đã tự bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên từ nguồn thu sự nghiệp; được ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi đầu tư;

3. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên là tổ chức đã tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu sự nghiệp, phần chi thường xuyên còn lại do ngân sách nhà nước cấp; được ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi đầu tư;

4. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên là tổ chức không có nguồn thu sự nghiệp hoặc nguồn thu sự nghiệp thấp, ngân sách nhà nước cấp toàn bộ chi thường xuyên; ngân sách Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi đầu tư.

Phương án tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện theo mẫu B1. PATC quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Hằng năm, tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại các khoản 3, 4 Điều 2 Thông tư này căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, lập danh mục, thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng (thực hiện theo mẫu B2. DM-TM-DT quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) để trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Thời gian thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng không quá 12 tháng.

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền có thể quyết định giao và cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại các khoản 1, 2 Điều 2 Thông tư này.

2. Đơn vị tham mưu về kế hoạch, tài chính, tổ chức cán bộ và quản lý khoa học và công nghệ của cơ quan có thẩm quyền xem xét, thẩm định danh mục, thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng để trình Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP phê duyệt, ký hợp đồng (thực hiện theo mẫu B3. HĐ-TLHĐ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này) và cấp kinh phí cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc quyền quản lý thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng. Trường hợp cần thiết, có thể lập Hội đồng gồm thành phần là đại diện các đơn vị tham mưu về kế hoạch, tài chính, tổ chức cán bộ và quản lý khoa học và công nghệ của cơ quan có thẩm quyền xem xét, thẩm định danh mục, thuyết minh và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng.

VKS HL

Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng được vận dụng phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Khi kết thúc nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, tổ chức khoa học và công nghệ công lập có trách nhiệm xây dựng báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm theo các sản phẩm của nhiệm vụ trong Thuyết minh đã được phê duyệt.

Các tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại khoản 2 Điều này đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ công lập để trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, nghiệm thu đồng thời giao, điều chỉnh hoặc không giao nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện trong năm tiếp theo.

Trường hợp nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng được đánh giá không đạt thì thực hiện xử lý theo quy định tại Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng được ký kết giữa tổ chức khoa học và công nghệ công lập và cơ quan có thẩm quyền.

Điều 4. Việc quản lý, sử dụng tài sản của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Việc giao quản lý, sử dụng tài sản cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 23/2016/TT-BTC ngày 16 tháng 02 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định của pháp luật có liên quan khác.

Điều 5. Quy chế chi tiêu nội bộ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập có trách nhiệm xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ để thực hiện việc chi tiêu nội bộ và đề Kho bạc Nhà nước kiểm soát chi.

2. Quy chế chi tiêu nội bộ do Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ công lập ban hành trên cơ sở ý kiến thống nhất của tổ chức công đoàn, được thảo luận rộng rãi, dân chủ, công khai trong đơn vị và được ít nhất 2/3 số công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị đồng ý tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức.

3. Quy chế chi tiêu nội bộ phải gửi cơ quan quản lý cấp trên để theo dõi, kiểm tra thực hiện; gửi Kho bạc Nhà nước nơi tổ chức khoa học và công nghệ công lập mở tài khoản giao dịch để làm căn cứ kiểm soát chi. Trường hợp có các quy định không phù hợp với quy định của Nhà nước thì trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, cơ quan quản lý cấp trên có ý kiến yêu cầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải điều chỉnh lại cho phù hợp.

4. Quy chế chi tiêu nội bộ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 2 Thông tư này phải bảo đảm tuân thủ các quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn, định mức chi các nội dung sau: tiêu chuẩn định mức sử dụng xe ô tô; tiêu chuẩn định mức về nhà làm việc; tiêu chuẩn định mức trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động; chế độ công tác phí nước ngoài; chế độ tiếp khách nước ngoài và hội thảo quốc tế ở Việt Nam, riêng tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này được quyết định mức chi cao hơn hoặc thấp hơn mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điều 2 Thông tư này sử dụng nguồn tài chính quy định tại điểm b, d, đ khoản 1, Điều 8 và điểm b, c, d khoản 1, Điều 9 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP bảo đảm tuân thủ các quy định của Nhà nước về: chế độ quản lý, sử dụng kinh phí các chương trình mục tiêu quốc gia; chế độ hướng dẫn sử dụng các chương trình, dự án, đề án do cấp có thẩm quyền quyết định; chế độ quản lý, sử dụng vốn đối ứng dự án, vốn viện trợ thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước; chế độ quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động sự nghiệp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chế độ sử dụng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao.

Điều 6. Việc đăng ký kinh doanh của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại các khoản 1, 2, 3, Điều 2 Thông tư này được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, được sử dụng con dấu của đơn vị sự nghiệp để hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy

định của pháp luật. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 7. Việc chuyển đổi tổ chức khoa học và công nghệ công lập thành công ty cổ phần

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần theo quy định tại Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Trước ngày 01 tháng 7 năm 2017, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2016/NĐ-CP hoàn thành việc phê duyệt phương án tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc quyền quản lý (kể cả tổ chức đã được phê duyệt đề án và tổ chức chưa được phê duyệt đề án thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định tại Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập). Mẫu Quyết định phê duyệt phương án tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện theo mẫu B4. QĐPDPA quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Năm cuối của thời kỳ ổn định, tổ chức khoa học và công nghệ công lập báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện cơ chế tự chủ trong 3 năm và đề xuất phương án tự chủ trong 3 năm tiếp theo để cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

Trường hợp nguồn thu, nhiệm vụ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập có biến động làm thay đổi mức độ tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, tổ chức khoa học và công nghệ công lập báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh phương án tự chủ cho tổ chức trước thời hạn.

3. Chế độ báo cáo hằng năm:

a) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện việc báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án tự chủ về kết quả thực hiện cơ chế tự chủ trước ngày 31 tháng 01 hằng năm, mẫu báo cáo thực hiện theo mẫu B5. BCTC quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Đại học quốc gia và các cơ quan liên quan tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc quyền quản lý theo mẫu B6. BCTH quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 30 tháng 3 hằng năm để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 3 năm 2017.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để hướng dẫn hoặc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các Hội, đoàn thể;
- Công báo, Cổng TTĐT CP;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ KH&CN;
- Lưu: Bộ KH&CN (VT, TCCB).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Trần Văn Tùng

Sao gửi các đơn vị trực thuộc.

Ban TCB để xuất hướng dẫn thực hiện.

18/6.

335

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

ĐẾN Số: 902 Số: 54 /2016/NĐ-CP
Ngày: 16/6
Chuyên: Ban TCB

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2016

NGHỊ ĐỊNH

Chuyển a. Kế hoạch
Sao gửi: 20 Viên

Kính trình Chủ tịch Quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập do các cơ quan có thẩm quyền thành lập quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, g Khoản 1 Điều 12 Luật khoa học và công nghệ.

2. Nghị định này không áp dụng đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập là cơ sở giáo dục đại học.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội áp dụng các quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan.

c) Thẩm quyền phê duyệt danh mục, thuyết minh, dự toán, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng;

Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp 1 có thẩm quyền phê duyệt danh mục, thuyết minh, dự toán, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc quyền quản lý.

Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp 1 có thể ủy quyền cho thủ trưởng đơn vị dự toán cấp 2 phê duyệt danh mục, thuyết minh, dự toán, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc đơn vị dự toán cấp 2.

d) Xây dựng, tổ chức thực hiện và đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng;

Hàng năm, tổ chức khoa học và công nghệ công lập căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, lập danh mục và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng để trình thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt và ký hợp đồng thực hiện.

Khi kết thúc nhiệm vụ, tổ chức khoa học và công nghệ công lập có trách nhiệm lập báo cáo kết quả để cơ quan có thẩm quyền đánh giá, nghiệm thu, làm cơ sở xem xét, giao hoặc không giao thực hiện nhiệm vụ trong năm tiếp theo.

đ) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng;

Kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng bao gồm: Tiền lương, tiền công, các khoản đóng góp theo lương của những người trực tiếp và gián tiếp thực hiện nhiệm vụ; các khoản chi phí trực tiếp và gián tiếp phục vụ thực hiện nhiệm vụ; các khoản chi hoạt động bộ máy của tổ chức khoa học và công nghệ công lập để thực hiện nhiệm vụ.

Định mức các khoản chi trong dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng thực hiện theo các quy định hiện hành.

3. Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo danh mục dịch vụ sự nghiệp công do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Nhiệm vụ khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 5. Chính sách ưu đãi đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được hưởng chính sách ưu đãi về thuế theo quy định hiện hành.

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp thì được hưởng ưu đãi về thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như đối với doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, cụ thể:

a) Được áp dụng thuế suất 10% trong thời gian mười lăm năm;

b) Được miễn thuế tối đa không quá bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá chín năm tiếp theo;

Việc áp dụng thuế suất ưu đãi quy định tại Điều này được tính từ năm đầu tiên tổ chức khoa học và công nghệ công lập có thu nhập chịu thuế kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

2. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được hưởng chính sách ưu đãi về tín dụng:

a) Được hưởng chính sách ưu đãi về tín dụng đầu tư của Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

b) Được vay vốn từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ ở các bộ, ngành, địa phương và các quỹ khác để thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành;

c) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ được vay vốn của các tổ chức tín dụng, huy động vốn của công chức, viên chức trong đơn vị để đầu tư mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được hưởng các ưu đãi khác theo quy định hiện hành.

Điều 6. Giao dịch tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc Nhà nước để phản ánh các khoản thu, chi hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước. Lãi tiền gửi là nguồn thu của đơn vị và được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc quỹ khác theo quy định hiện hành; không được bổ sung vào Quỹ bổ sung thu nhập.

2. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để phản ánh các khoản kinh phí thuộc ngân sách nhà nước, các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các khoản thu phí theo quy định hiện hành về phí, lệ phí.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại các Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 3 Nghị định này được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và sử dụng con dấu của đơn vị sự nghiệp cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Điều 7. Nghĩa vụ tài chính và Quy chế chi tiêu nội bộ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thực hiện đăng ký, kê khai, nộp thuế và các khoản thu ngân sách khác (nếu có) theo quy định hiện hành.

2. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương II

QUYỀN TỰ CHỦ CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP

Điều 8. Tự chủ về tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm chi thường xuyên

1. Nguồn tài chính.

a) Nguồn thu từ hoạt động khoa học và công nghệ, sản xuất, kinh doanh, liên doanh, liên kết và nguồn thu hợp pháp khác;

b) Nguồn thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí được để lại để chi hoạt động thường xuyên và chi mua sắm, sửa chữa lớn trang thiết bị, tài sản phục vụ công tác thu phí;

c) Nguồn thu từ ngân sách nhà nước nếu được cơ quan có thẩm quyền giao để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, dịch vụ sự nghiệp công;

d) Nguồn thu từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên nếu được cơ quan có thẩm quyền giao, bao gồm: Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, đề án khác; kinh phí đối ứng thực hiện các dự án; vốn đầu tư phát triển; kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động sự nghiệp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cơ quan có thẩm quyền giao;

đ) Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định hiện hành.

2. Sử dụng nguồn tài chính

a) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 3 Nghị định này:

- Căn cứ nhu cầu đầu tư và khả năng cân đối các nguồn tài chính, chủ động xây dựng danh mục các dự án đầu tư, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trên cơ sở danh mục dự án đầu tư đã được phê duyệt, tổ chức khoa học và công nghệ công lập quyết định dự án đầu tư, bao gồm các nội dung về quy mô, phương án xây dựng, tổng mức vốn, nguồn vốn, phân kỳ thời gian triển khai theo quy định hiện hành về đầu tư. Căn cứ yêu cầu phát triển của đơn vị, Nhà nước xem xét bố trí vốn cho các dự án đầu tư đang triển khai;

- Được vay vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước hoặc được hỗ trợ lãi suất cho các dự án đầu tư sử dụng vốn vay của các tổ chức tín dụng theo quy định.

b) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại các Điểm a, b Khoản 2 Điều 3 Nghị định này được chủ động sử dụng các nguồn tài chính giao tự chủ quy định tại các Điểm a, b, c Khoản 1 Điều này để chi thường xuyên, trong đó một số nội dung chi được quy định cụ thể như sau:

- Chi tiền lương cho công chức, viên chức, người lao động theo ngạch, bậc, hạng chức danh nghề nghiệp, chức vụ và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Khi Nhà nước điều chỉnh tiền lương cơ sở, đơn vị tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ nguồn thu của đơn vị;

- Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý:

Đối với các nội dung chi đã có định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, căn cứ vào khả năng tài chính, tổ chức khoa học và công nghệ công lập được quyết định mức chi cao hơn hoặc thấp hơn mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị;

Đối với các nội dung chi chưa có định mức chi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, căn cứ tình hình thực tế, tổ chức khoa học và công nghệ công lập xây dựng mức chi cho phù hợp theo Quy chế chi tiêu nội bộ và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

- Trích khấu hao tài sản cố định: Tiền trích khấu hao tài sản hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách được hạch toán vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

c) Tổ chức khoa học và công nghệ sử dụng nguồn tài chính quy định tại các Điểm b, d, đ Khoản 1 Điều này để chi thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên theo quy định hiện hành.

d) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 3 Nghị định này thực hiện các quy định của Nhà nước hoặc theo Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị về mức chi, tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; tiêu chuẩn, định mức về nhà làm việc; tiêu chuẩn, định mức trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động; chế độ công tác phí nước ngoài; chế độ tiếp khách nước ngoài và hội thảo quốc tế ở Việt Nam.

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 3 Nghị định này phải thực hiện các quy định của Nhà nước về mức chi, tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; tiêu chuẩn, định mức về nhà làm việc; tiêu chuẩn, định mức trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động; chế độ công tác phí nước ngoài; chế độ tiếp khách nước ngoài và hội thảo quốc tế ở Việt Nam.

3. Phân phối kết quả tài chính

a) Hằng năm, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên (nếu có), đơn vị sử dụng để:

- Trích tối thiểu 25% để lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;
- Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập:

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 3 Nghị định này không hạn chế mức trích lập Quỹ bổ sung thu nhập;

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 3 Nghị định này trích lập Quỹ bổ sung thu nhập với mức trích không quá 3 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, hạng chức danh nghề nghiệp, chức vụ và các khoản phụ cấp lương do Nhà nước quy định;

- Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi tối đa không quá 3 tháng tiền lương, tiền công thực hiện trong năm của đơn vị;
- Trích lập Quỹ khác theo quy định hiện hành;

Việc trích lập quỹ và mức trích cụ thể của Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi, các quỹ khác do thủ trưởng đơn vị quyết định theo Quy chế chi tiêu nội bộ và phải công khai trong đơn vị;

Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

b) Sử dụng các Quỹ

- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp chỉ cho các nội dung sau: Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đổi mới công nghệ, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn

nghiệp vụ cho công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị; góp vốn, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (đối với đơn vị được giao vốn theo quy định) để sản xuất, kinh doanh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và các khoản chi khác (nếu có);

- Quỹ bổ sung thu nhập chi bổ sung thu nhập cho công chức, viên chức, người lao động và dự phòng chi bổ sung thu nhập cho công chức, viên chức, người lao động năm sau trong trường hợp nguồn thu nhập bị giảm;

Việc chi bổ sung thu nhập cho công chức, viên chức, người lao động thực hiện theo nguyên tắc gắn với số lượng, chất lượng và hiệu quả công việc quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị. Riêng hệ số thu nhập tăng thêm của chức danh lãnh đạo tổ chức tối đa không quá 2 lần hệ số thu nhập tăng thêm bình quân thực hiện của công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị;

- Quỹ khen thưởng chi thưởng định kỳ, đột xuất cho tập thể, cá nhân trong và ngoài đơn vị (ngoài chế độ khen thưởng theo quy định hiện hành về thi đua khen thưởng) theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp vào hoạt động của đơn vị; mức thưởng do thủ trưởng đơn vị quyết định theo Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị;

- Quỹ phúc lợi chi xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi; chi các hoạt động phúc lợi tập thể của công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị; chi trợ cấp khó khăn đột xuất cho công chức, viên chức, người lao động, kể cả trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; chi thêm cho công chức, viên chức, người lao động thực hiện tinh giản biên chế theo Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

4. Vay vốn, huy động vốn để đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 3 Nghị định này được vay vốn, huy động vốn để đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất; được sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp theo quy định. Việc vay vốn, quản lý, sử dụng vốn vay thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Điều kiện, nội dung và thủ tục vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 3 Nghị định này được vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 9. Tự chủ về tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và tổ chức khoa học và công nghệ công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên

1. Nguồn tài chính

a) Nguồn thu từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, dịch vụ sự nghiệp công;

b) Nguồn thu từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên gồm: Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, đề án khác; kinh phí đối ứng thực hiện các dự án; vốn đầu tư phát triển; kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động sự nghiệp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cơ quan có thẩm quyền giao;

c) Nguồn thu phí theo pháp luật về phí, lệ phí được để lại để chi hoạt động thường xuyên và chi mua sắm, sửa chữa lớn trang thiết bị, tài sản phục vụ công tác thu phí;

d) Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định hiện hành;

đ) Nguồn thu từ hoạt động khoa học và công nghệ, hoạt động sản xuất, kinh doanh, liên doanh, liên kết và nguồn thu khác theo quy định hiện hành.

2. Sử dụng nguồn tài chính

a) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được chủ động sử dụng các nguồn tài chính giao tự chủ quy định tại các Điểm a, c, đ Khoản 1 Điều này để chi thường xuyên, trong đó một số nội dung chi được quy định như sau:

- Chi tiền lương cho công chức, viên chức, người lao động theo ngạch, bậc, hạng chức danh nghề nghiệp, chức vụ và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định. Khi Nhà nước điều chỉnh tiền lương cơ sở, đơn vị tự bảo đảm tiền lương tăng thêm từ các nguồn theo quy định, trường hợp còn thiếu được ngân sách nhà nước cấp bổ sung;

- Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý: Căn cứ vào nhiệm vụ được giao và khả năng tài chính, tổ chức khoa học và công nghệ công lập được quyết định mức chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý, nhưng tối đa không vượt quá mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

b) Tổ chức khoa học và công nghệ sử dụng nguồn tài chính quy định tại các Điểm b, c, d Khoản 1 Điều này để chi thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên theo quy định hiện hành;

c) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải thực hiện đúng các quy định của Nhà nước về mức chi, tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; tiêu chuẩn, định mức về nhà làm việc; tiêu chuẩn, định mức trang bị điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động; chế độ công tác phí nước ngoài; chế độ tiếp khách nước ngoài và hội thảo quốc tế ở Việt Nam.

3. Phân phối kết quả tài chính

a) Trích lập các quỹ

Hàng năm, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí, nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước khác (nếu có) theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên (nếu có), đơn vị được sử dụng theo trình tự như sau:

- Trích tối thiểu 20% để lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 3 Nghị định này đã tự bảo đảm được trên 70% chi thường xuyên; trích tối thiểu 15% để lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 3 Nghị định này đã tự bảo đảm được từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên; trích tối thiểu 10% để lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 3 Nghị định này đã tự bảo đảm được dưới 30% chi thường xuyên; trích tối thiểu 5% để lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

- Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập tối đa không quá 2,5 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, hạng chức danh nghề nghiệp, chức vụ và các khoản phụ cấp lương do Nhà nước quy định đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 3 Nghị định này đã tự bảo đảm được trên 70% chi thường xuyên; không quá 2 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, hạng chức danh nghề nghiệp, chức vụ và các khoản phụ cấp lương do Nhà nước quy định đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 3 Nghị định này đã tự bảo đảm được từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên; không quá 1,5 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, hạng chức danh nghề nghiệp, chức vụ và các khoản phụ cấp lương do Nhà nước quy định đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 3 Nghị định này đã tự bảo đảm dưới 30% chi thường xuyên; không quá 1 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, hạng chức danh nghề nghiệp, chức vụ và các khoản phụ cấp lương do Nhà nước quy định đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

- Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi tối đa không quá 2,5 tháng tiền lương, tiền công thực hiện trong năm đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 3 Nghị định này đã tự bảo đảm được trên 70% chi thường xuyên; không quá 2 tháng tiền lương, tiền công thực hiện trong năm đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 3 Nghị định này đã tự bảo đảm được từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên; không quá 1,5 tháng tiền lương, tiền công thực hiện trong năm đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập

quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 3 Nghị định này đã tự bảo đảm được dưới 30% chi thường xuyên và không quá 1 tháng tiền lương, tiền công thực hiện trong năm đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

- Trích lập Quỹ khác theo quy định hiện hành;

Việc trích lập và mức trích cụ thể của Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi, các quỹ khác do thủ trưởng đơn vị quyết định theo Quy chế chi tiêu nội bộ và phải công khai trong đơn vị;

Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

b) Sử dụng các quỹ

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 8 Nghị định này.

Điều 10. Tự chủ về thực hiện nhiệm vụ

1. Xây dựng kế hoạch

a) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ và dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước, tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên để theo dõi việc thực hiện;

b) Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, dịch vụ sự nghiệp công và nhiệm vụ khác sử dụng ngân sách nhà nước, tổ chức khoa học và công nghệ công lập xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, báo cáo cơ quan có thẩm quyền để phê duyệt và quyết định phương thức giao kế hoạch cho đơn vị thực hiện.

2. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập tự chủ trong việc thực hiện các nội dung sau:

a) Quyết định các biện pháp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, dịch vụ sự nghiệp công và nhiệm vụ khác theo kế hoạch của đơn vị, kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền giao, bảo đảm chất lượng, tiến độ;

b) Đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; đấu thầu cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đơn vị được cấp có thẩm quyền giao;

c) Thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; góp vốn, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định hiện hành;

d) Xuất khẩu, nhập khẩu trực tiếp sản phẩm, hàng hóa, công nghệ để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, dịch vụ sự nghiệp công;

đ) Tham gia đấu thầu thực hiện các hợp đồng sản xuất, cung ứng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo quy định hiện hành.

Điều 11. Tự chủ về tổ chức bộ máy

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập xây dựng phương án sắp xếp lại đơn vị cấu thành, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại các Điểm a, b Khoản 2 Điều 3 Nghị định này được quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị mới ngoài các đơn vị cấu thành theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền khi đáp ứng các điều kiện theo quy định hiện hành.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 3 Nghị định này phải thành lập Hội đồng quản lý theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

Điều 12. Tự chủ về nhân sự

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 3 Nghị định này được quyết định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, trên cơ sở bảo đảm việc làm và thu nhập ổn định cho số người làm việc tại tổ chức.

2. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điểm c, d Khoản 2 Điều 3 Nghị định này xây dựng vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; đề xuất số lượng người làm việc của đơn vị trên cơ sở định biên bình quân 05 năm trước và không cao hơn số định biên hiện có của đơn vị để trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định (đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập mới thành lập, thời gian hoạt động chưa đủ 05 năm thì tính bình quân cả quá trình hoạt động).

Trường hợp tổ chức khoa học và công nghệ công lập chưa xây dựng được vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp thì số lượng người làm việc được xác định trên cơ sở định biên bình quân các năm trước theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập tuyển dụng, quản lý, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thực hiện chính sách, chế độ đối với viên chức và ký hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

4. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập đề xuất cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm, thuê nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài đảm nhiệm chức danh lãnh đạo tổ chức khoa học và công nghệ công lập và thuê chuyên gia nước ngoài đảm nhiệm chức danh lãnh đạo tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định hiện hành.

5. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập quyết định việc mời chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài vào Việt Nam tham gia hoạt động khoa học và công nghệ và cử viên chức, người lao động ra nước ngoài công tác theo phân cấp.

Điều 13. Tự chủ về quản lý, sử dụng tài sản

1. Về xác định giá trị tài sản nhà nước để giao quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp.

a) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại các Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 3 Nghị định này được cơ quan có thẩm quyền xác định giá trị tài sản để giao cho đơn vị quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp;

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập quản lý, sử dụng tiền thu được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, liên doanh, liên kết, cho thuê tài sản nhà nước như sau:

- Tiền thu được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, liên doanh, liên kết tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải hạch toán đầy đủ theo quy định hiện hành về kế toán, thống kê và quản lý, sử dụng theo cơ chế tài chính áp dụng đối với doanh nghiệp;

- Tiền thu được từ cho thuê tài sản nhà nước, tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải hạch toán riêng, sau khi trừ chi phí hợp lý, nộp thuế và thực hiện nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước, đơn vị được sử dụng phần còn lại để phát triển hoạt động sự nghiệp.

b) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 3 Nghị định này không được sử dụng tài sản nhà nước để cho thuê hoặc thực hiện hoạt động kinh doanh khác.

2. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được lựa chọn hình thức giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 14. Việc chuyển đổi tổ chức khoa học và công nghệ công lập thành công ty cổ phần

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được chuyển đổi thành công ty cổ phần khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Tự bảo đảm được toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên trong năm gần nhất với thời điểm thực hiện chuyển đổi hoặc có khả năng tự bảo đảm được toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên sau khi chuyển đổi;

b) Thuộc danh mục chuyển đổi thành công ty cổ phần theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Trình tự, thủ tục chuyển đổi tổ chức khoa học và công nghệ công lập thành công ty cổ phần thực hiện như việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trình tự giao quyền tự chủ cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập xây dựng phương án tự chủ phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

Việc giao quyền tự chủ cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Nghị định này được ổn định trong thời gian 3 năm. Trường hợp nguồn thu, nhiệm vụ của đơn vị có biến động làm thay đổi mức độ tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, tổ chức khoa học và công nghệ công lập báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh phương án tự chủ cho tổ chức trước thời hạn.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Đại học quốc gia có trách nhiệm tổ chức thẩm định và phê duyệt phương án tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc quyền quản lý.

Các cơ quan, tổ chức khác căn cứ quy định tại Nghị định này tổ chức thẩm định và phê duyệt phương án tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc quyền quản lý.

3. Trước ngày 01 tháng 7 năm 2017, các cơ quan có thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều này hoàn thành việc phê duyệt phương án tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc quyền quản lý.

Điều 16. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Hướng dẫn việc phân loại mức độ tự chủ và xây dựng phương án tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định hiện hành.

2. Hướng dẫn, kiểm tra và tổng hợp việc thực hiện cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên phạm vi cả nước, hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Chủ trì tổ chức triển khai Chương trình Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ.

Điều 17. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ: Hướng dẫn tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ quy định tại Nghị định này theo thẩm quyền.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chỉ đạo tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc quyền quản lý xây dựng phương án tự chủ để phê duyệt theo thẩm quyền; hằng năm gửi báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 18. Trách nhiệm của Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và trước pháp luật trong việc thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị theo quy định tại Nghị định này.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế sử dụng tài sản, Quy chế dân chủ cơ sở, Quy chế công khai tài chính, kiểm toán nội bộ theo quy định hiện hành.

3. Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn, tài sản của Nhà nước giao; thực hiện chế độ hạch toán kế toán, thống kê, thông tin, báo cáo hoạt động, kiểm toán theo quy định hiện hành.

4. Thực hiện quy định công khai, trách nhiệm giải trình hoạt động của đơn vị theo quy định hiện hành.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2016.

Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và Điều 1 Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và Nghị định số 80/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (3b). *27*

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc